TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2022
(*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Phong Lan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Kiều Thu
2. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thái Hà –Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 15 phút, ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 329/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc*"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị A - sinh năm 1992
Trú tại: khu phố C, phường B, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu C - sinh năm 1987
Trú tại: khu phố C, phường B, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà A và ông C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị A trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Trong quá trình chung sống, ông bà không hợp nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường cãi vã, xúc phạm đến nhau. Ông C không có trách nhiệm với vợ, con, nên từ tháng 5 năm 2021 bà và các con đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay. Trước đây, bà đã nộp đơn xin ly hôn và được Tòa án thụ lý

giải quyết nhưng sau đó do con còn nhỏ nên bà xin rút đơn thì Toà án đình chỉ giải quyết vụ án. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 04 con tên Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 27/01/2011, Nguyễn Kỳ E, sinh ngày 18/11/2012, Nguyễn Kỳ F, sinh ngày 14/01/2022 và Nguyễn Kỳ G, sinh ngày 14/01/2022. Từ hơn một năm nay bà là người trực tiếp nuôi dưỡng các con, ông C không có trách nhiệm đối với các con, không thăm nom con. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi các con và yêu cầu ông C cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Hữu C trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà A tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND phường B như bà A trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống, hai người có mâu thuẫn nhưng không lớn, mặt khác bà A lo bài bạc ông khuyên can nhưng bà A không nghe mà bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Nay ông còn thương vợ, con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà A có 04 con chung như bà A trình bày ở trên là đúng. Nếu giả sử ly hôn ông đồng ý giao các con cho bà A được tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng cho các con vì ông không có việc làm ổn định nên không có thu nhập thường xuyên. Nay tại phiên tòa ông cho rằng nếu ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi các con Nguyễn Kỳ D và Nguyễn Kỳ E, giao cho bà A được nuôi hai con Nguyễn Kỳ F và Nguyễn A Minh Khoa, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân bà A được ly hôn ông C; về con chung bà A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng bốn con, ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con hàng tháng 1.000.000 đồng; về tài sản chung và nợ chung bà A và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và cáKỳ E liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Nguyễn Hữu C cư trú tại khu phố C, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2] Bà A cho rằng, trong quá trình chung sống bà và ông C thường xảy ra mâu thuẫn nên hai người đã không sống chung nhà từ tháng 5 năm 2021, nay không còn tình cảm bà yêu cầu được ly hôn với ông C; ngược lại ông C cho rằng, trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, tuy nhiên hai người không còn sống chung từ tháng 5 năm 2021 đến nay, nay ông còn tình cảm với bà A nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy, trong quá trình chung sống bà A và ông C có xảy ra mâu thuẫn là có thật và thực tế cuộc sống vợ chồng đã không còn duy trì từ tháng 5 năm 2021 đến nay, cho thấy mục đích của kết hôn để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông C.

[3] Ông C xác định vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng chưa nghiêm trọng, ông vẫn còn yêu thương bà A nên mong muốn đoàn tụ để con cái không bị tổn thương, tuy nhiên bà A vẫn cương quyết ly hôn và không đồng ý trở về chung sống, ông C không có giải pháp cụ thể nào để cải thiện tình cảm vợ chồng trong khi hai người đã sống ly thân được hơn một năm. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chỉ thực sự hạnh phúc khi được xây dựng trên cơ sở tình cảm từ hai phía. Với thực tế cuộc sống vợ chồng đang sống ly thân như hiện nay thì việc ông C yêu cầu đoàn tụ là không thực hiện được nên ý kiến của ông C không được chấp nhận.

[4] Bà A và ông C có 04 con là Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 27/01/2011, Nguyễn Kỳ E, sinh ngày 18/11/2012, Nguyễn Kỳ F, sinh ngày 14/01/2022 và Nguyễn A Minh Khoa, sinh ngày 14/01/2022. Tại phiên tòa, ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi con Kỳ D và Kỳ E, giao con Minh Khôi và Minh Khoa cho bà A nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai, còn bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 04 con, yêu cầu ông C cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy, ông C và bà A đều có quyền, nghĩa vụ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con; bà A có việc làm ổn định, có thu thập thường xuyên, có điều kiện tài chính để nuôi con, còn ông C không có việc làm ổn định nên thu nhập không thường xuyên. Hơn nữa từ tháng 5 năm 2021 đến nay bà A là người trực tiếp trôm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Do đó, để cuộc sống của các cháu được ổn định, tránh xáo trộn về cuộc sống hàng ngày, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của hai cháu Nguyễn Kỳ D và Nguyễn Kỳ E, hai cháu Minh Khôi và Minh Khoa mới 05 tháng tuổi nên tiếp tục giao cho bà A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả bốn con là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu nuôi con Kỳ D và Kỳ E của ông C không được chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng: Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng "*... căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng...*". Và khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*". Xét ông C không trực tiếp nuôi các con ông pA có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con theo mức cấp dưỡng bà A yêu

cầu 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp thu nhập, khả năng thực tế của ông C và nhu cầu thiết yếu của các con trong giai đoạn hiện nay. Do đó, buộc ông C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi mỗi con hàng tháng 1.000.000 đồng cho bà A, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các con tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Bà A và ông C pA nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/**Áp dụng**: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, khoản 4 Điều 147 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Luật thi hành án dân sự.

2/ **Tuyên xử**:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị A, bà A được ly hôn ông Nguyễn Hữu C.

- ***Về con chung***: Giao cho bà Nguyễn Thị A được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Kỳ D (giới tính nữ), sinh ngày 27/01/2011, Nguyễn Kỳ E (giới tính nam), sinh ngày 18/11/2012, Nguyễn Kỳ F (giới tính nam), sinh ngày 14/01/2022 và Nguyễn A Minh Khoa (giới tính nam), sinh ngày 14/01/2022. Buộc ông Nguyễn Hữu C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi mỗi cháu hàng tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), tổng cộng 4.000.000 đồng/tháng/04 cháu cho bà A, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi cháu tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Nguyễn Hữu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án(đối với các khoản tiền pA trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên pA thi hành án còn pA chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pA thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- ***Về án phí***: Bà Nguyễn Thị A pA nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0009667 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hữu C pA nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng cho con.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pA thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Phong Lan

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND TP Phan Thiết;
- UBND thị trấn Phú Long;
- THA dân sự TP Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.